

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành: Đại học Sư phạm Vật lý
(Ban hành theo Quyết định số 1800/QĐ-ĐHHD ngày 25/10/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

- **Ngành đào tạo:**
 - + **Tiếng Việt:** Sư phạm Vật lý
 - + **Tiếng Anh:** Physics Teacher Education
- **Trình độ:** Đại học
- **Mã ngành đào tạo:** 7140211
- **Thời gian đào tạo:** 4 năm
- **Giới thiệu tóm tắt về chương trình đào tạo:**

Đào tạo giáo viên Trung học phổ thông ngành Sư phạm Vật lý có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; Có kiến thức nền tảng bổ trợ cần thiết của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, ngoại ngữ, tin học, pháp luật; Có kiến thức chuyên sâu về Vật lý, khoa học giáo dục và khoa học phương pháp dạy học bộ môn Vật lý; Có năng lực sư phạm thành thạo đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, quản lý giáo dục ở trường phổ thông và các cơ sở giáo dục trong cả nước; Có khả năng tự học, tự nghiên cứu để phát triển ở trình độ đào tạo cao hơn hoặc tự bồi dưỡng để chuyển đổi nghề nghiệp.

2. CHUẨN NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP

2.1. Kiến thức:

- Nắm vững kiến thức giáo dục đại cương, bao gồm: các nguyên lý của chủ nghĩa Mác –Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, có các kiến thức cần thiết trong lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn, khoa học quản lý hành chính, quản lý giáo dục, quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

- Nắm vững kiến thức Vật lý cơ sở như Cơ, Nhiệt, Điện, Quang, và các ứng dụng của nó trong kỹ thuật; Có kiến thức chuyên ngành cơ bản về Vật lý và kiến thức nghiệp vụ sư phạm vững vàng;

- Có kiến thức về lý luận dạy học Vật lý, chương trình dạy học Vật lý và thực tiễn dạy học Vật lý ở trường phổ thông.

- Nắm vững kiến thức nghiệp vụ sư phạm, bao gồm Tâm lý học, Giáo dục học, chương trình, nội dung, phương pháp dạy học Vật lý, phương pháp đánh giá kết quả giáo dục để thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh.

- Nắm vững các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục.

- Có kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục.

- Người học có trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT; có trình độ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định hiện hành của Bộ Thông tin và Truyền thông trong dạy học Vật lý ở trường phổ thông.

2.2. Kỹ năng:

- Có kỹ năng vận dụng kiến thức Vật lý để giảng dạy tốt các môn Vật lý trong các trường phổ thông (PT); có phương pháp làm việc khoa học, đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học Vật lý ở trường phổ thông.

- Kỹ năng về thực hành lắp ráp thí nghiệm Vật lý, biết lựa chọn, lắp ráp và sử dụng có kết quả những dụng cụ thí nghiệm Vật lý cơ bản ở trường phổ thông vào mục đích dạy học.

- Có khả năng giám sát và đánh giá khách quan, chính xác kết quả học tập của học sinh;

- Có khả năng vận dụng những thành tựu mới trong lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ của mình vào thực tiễn dạy học ở trường phổ thông;

- Có khả năng tìm hiểu đối tượng giáo dục và môi trường giáo dục; Lập và triển khai kế hoạch dạy học, tổ chức tốt mọi hoạt động trong công tác dạy học, xây dựng và quản lý hồ sơ sổ sách, làm công tác giáo viên chủ nhiệm lớp.

- Có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học độc lập và làm việc theo nhóm, thể hiện ở khả năng phối hợp thực hiện các đề tài, dự án, sáng kiến kinh nghiệm; có kỹ năng thuyết trình, viết báo cáo, trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu, sáng kiến kinh nghiệm.

- Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành Vật lý; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống về Vật lý thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến kiến thức Vật lý.

2.3. Thái độ:

Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy chế giáo dục đào tạo; Có thái độ cầu thị, chủ động học tập rèn luyện nâng cao trình độ lí luận chính trị vận dụng vào hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của người giáo viên; Tham gia tích cực các hoạt động chính trị xã hội, các lớp học tập nghiên cứu các Nghị quyết của Đảng, chủ trương quan điểm đổi mới của ngành giáo dục; Sẵn sàng thích ứng với những biến đổi của môi trường nghề nghiệp, cuộc sống lao động, sáng tạo trong nền kinh tế thị trường và xu thế hội nhập toàn cầu.

2.4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ dạy học Vật lý ở bậc học phổ thông, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, quản lí tại các cơ sở giáo dục; có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường giáo dục; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về phương pháp, kĩ thuật dạy học Vật lý; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong dạy học Vật lý; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động dạy học Vật lý đáp ứng mục tiêu giáo dục - đào tạo.

2.5. Tiếng Anh:

Đạt trình độ ngoại ngữ 3/6 bậc Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

+ Nghe: Có thể hiểu được những thông tin hiện thực đơn giản được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan tới cuộc sống hay công việc hay trường học;

+ Nói: Có thể giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm của mình; Có thể trình bày ý kiến về các chủ đề văn hóa như phim ảnh, sách báo, âm nhạc,...

+ Đọc: Có thể đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình.

+ Viết: Có thể viết bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc.

2.6. Công nghệ thông tin:

- Sử dụng công nghệ thông tin trong khai thác Internet; các phần mềm tin học cơ bản trong soạn thảo văn bản, thiết kế bài giảng điện tử, thiết kế các thí nghiệm ảo phục vụ công tác, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Khả năng nghiên cứu, sử dụng có hiệu quả các phương tiện dạy học.

- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

3. KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP (của người tốt nghiệp)

Sau khi học xong chương trình này, người học có khả năng:

- Giảng dạy Vật lý tại các trường THCS, THPT, TCCN, cao đẳng.
- Nghiên cứu Vật lý và khoa học giáo dục tại các viện nghiên cứu, trường đại học. Làm việc ở các đơn vị sản xuất và kinh doanh có sử dụng các kiến thức cơ bản về ngành Vật lý.
- Quản lý chuyên môn về giáo dục ở các trường hoặc cơ sở quản lý nhà nước.
- Chuyên gia trong các nhà máy, khu công nghiệp.

4. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

Sau khi tốt nghiệp ra trường người học có thể:

- Tiếp tục tự học tập hoàn thiện kiến thức, kỹ năng để trở thành giáo viên giỏi, cán bộ giỏi.
- Tham gia nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao năng lực làm việc
- Tiếp tục tham gia học tập nâng cao trình độ lên thạc sỹ, tiến sỹ chuyên ngành Vật lý
- Học văn bằng hai ở các ngành phù hợp.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Thị Mai